

Bài văn mẫu Phân tích bài Tràng giang tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Bài văn mẫu số 1: Phân tích bài Tràng giang

Huy Cận được mệnh danh là nhà thơ cả vụn lí sầu. Trước cách mạng hồn thơ ông mang nỗi sầu bi của thời đại. Tác phẩm Tràng giang là một bài thơ tiêu biểu cho nỗi buồn miên man của nhà thơ trước cuộc đời, trước thời đại. Ẩn sau nỗi buồn ấy còn là lời tâm sự, lòng yêu nước kín đáo.

Nhan đề của bài thơ gồm hai vần “ang” đây là âm mở, gợi nên sự mênh mông, rộng lớn. Không gian dòng sông hiện ra không chỉ là một con sông bình thường mà nó còn là con sông lớn mang tầm vóc vũ trụ. Không chỉ vậy, sử dụng từ Hán Việt còn khiến cho bài thơ mang âm hưởng cổ kính, mang tính khái quát.

Không phải bất cứ tác phẩm nào cũng có lời đề từ, khi đề từ xuất hiện nó thường là một gợi dẫn có ý nghĩa bao quát toàn bộ nội dung tác phẩm. Trước khi bắt đầu bài thơ Tràng giang là lời đề từ do chính Huy Cận sáng tác:

Buông khuâng trời rộng nhớ sông dài

Câu thơ đề từ gợi ra không gian vũ trụ rộng lớn, bát ngát mở ra cả chiều rộng và chiều cao. Trước không gian ấy con người cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, đây cũng là cảm xúc của biết bao thế hệ thi nhân xưa nay. Câu thơ đề từ đã khơi mạch cảm xúc chung của bài thơ.

Bài thơ mở đầu bằng khổ thơ thấm đượm nỗi buồn:

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp

Con thuyền xuôi mái nước song song

Thuyền về nước lại sầu trăm ngả

Củ một cành khô lạc mấy dòng

Những con sóng lăn tăn gợn theo chiều gió thổi, không gian ấy hoàn toàn yên tĩnh. Nhưng ở đây không chỉ có thiên nhiên mà ẩn khuất còn có tâm trạng của con người “buồn điệp điệp”, nỗi buồn không còn vô hình mà hữu hình qua từ láy “điệp điệp”. Nỗi buồn ấy tầng tầng lớp lớp chồng lên nhau, nó tuy nhẹ nhàng mà thấm đẫm, mà lan tỏa trong lòng con người. Nổi bật trong không gian đó là hình ảnh con thuyền xuôi mái, lênh đênh, phiêu dạt. Giữa dòng tràng giang con thuyền trở nên bé nhỏ, đơn cô tựa như chính hình ảnh con người. Từ “xuôi mái” cho thấy trạng thái buông xuôi, phó mặc cho dòng nước xô đẩy. Đó phải chăng cũng chính là tâm trạng của những con người Việt Nam trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ. Thuyền cứ trôi, cứ về để lại nỗi buồn mênh mang, vô hạn cho người ở lại – nước. Và hiện hiện trong hiện thực đó chính là những cành củi khô đơn độc, lẻ loi. Đảo ngữ “củi” được đảo lên đầu câu nhấn mạnh sự vô nghĩa, tầm thường, không chỉ vậy đó còn là cảnh củi khô không còn sức sống lạc trôi giữa dòng đời vô định.

Hình ảnh “củi khô” ẩn dụ cho những kiếp người nhỏ bé, bơ vơ giữa sự mênh mông của dòng đời. Đồng thời còn ẩn dụ cho cái tôi lạc loài, bơ vơ trong Thơ mới.

Huy Cận di chuyển điểm nhìn về gần hơn với những bãi, những cồn ở ngay trước mắt mình. “Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu” là một hình ảnh rất thực ở bãi giữa sông Hồng, kết hợp với hai từ láy “lơ thơ” “đìu hiu” gợi nên sự thừa thớt, vắng vẻ, hiu quạnh. Trong không gian ấy tác giả cố gắng đi tìm hơi ấm cuộc sống, là tiếng chợ xa, nhưng “đâu” có thể tìm thấy được, không gian là sự tĩnh lặng đến tuyệt đối. Nỗi buồn càng được tô đậm hơn nữa khi không gian được mở rộng đến vô cùng, nắng xuống chiều lên, sông dài – trời rộng, kết hợp với từ “sâu chót vót” đã mở rộng không gian ra cả ba phía: rộng, cao, sâu. Khắc họa nỗi cô đơn, sự nhỏ bé đến cực điểm của con người trước không gian vũ trụ.

Đôi mắt Huy Cận lại tìm kiếm, lại hướng ra vô cùng và thu lại chỉ có:

Bèo dạt về đâu hàng nối hàng

Mênh mông không một chuyến đò ngang

Không cần gợi chút niềm thân mật

Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Những cánh bèo lênh đênh, vô định nối tiếp nhau chảy trôi, sự chảy trôi không mục đích, không phương hướng, cũng như những kiếp người nhỏ bé, đơn độc lúc bấy giờ. Không gian sông nước mênh mông không có lấy một chuyến đò qua sông. Đò ấy không đơn thuần là phương tiện trung chuyển con người mà nó còn là phương tiện kết nối tình cảm. Nhưng tất cả đã bị phủ định một cách tuyệt đối: không một, không cầu, không còn một chút tình đời, tình người nào còn tồn tại ở đây nữa.

Khổ thơ cuối cùng vẽ ra bức tranh không gian nhiều tầng bậc, ông hướng mắt lên cao: “Lớp lớp mây cao đùn núi bạc/ Chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa”. Bầu trời với những đám mây lớn được phản chiếu dưới ánh mặt trời trở nên hùng vĩ, tráng lệ hơn. Động từ “đùn” cho thấy những đám mây ùn ùn kéo về, dựng lên những dãy núi tráng lệ. Và giữa lừng chùng trời là cánh chim nhỏ bé, đơn độc, cảm tưởng như nó đã bị không gian nuốt chửng. Trước cảnh thiên nhiên cô tịch, lặng lẽ, nỗi nhớ quê hương trong ông bỗng da diết, cồn cào:

Lòng quê dờn dợn vội con nước

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

Câu thơ làm ta bất giác nhớ đến câu thơ của Thôi Hiệu: “Nhật mộ hương quan hà xứ thị/ Yên ba giang thượng sử nhân sầu”. Cũng đều là nỗi bi ai, là nỗi nhớ quê khắc khoải nhưng Huy Cận đã có cách thể hiện thật mới, thật lạ. Lòng quê “dờn dợn” tức cứ tăng, cứ mạnh mãi lên, dường như sóng lòng đang trải ra cùng sóng nước. Nỗi nhớ quê hương luôn thường trực, dai dẳng. Đây cũng là biểu hiện kín đáo của lòng yêu nước.

Tác phẩm là sự kết hợp hài hòa giữa cổ điển và hiện đại, đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên mênh mông và quạnh hiu, hoang vắng. Qua đó còn cho ta thấy một cái tôi bơ vơ, lạc lõng, một nỗi

buồn vô tận giữa đất trời. Nhưng đồng thời bài thơ cũng thể hiện lòng yêu nước kín đáo mà vô cùng sâu lắng.

Bài văn mẫu số 2: Phân tích bài Tràng giang

Huy Cận là một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của phong trào Thơ Mới, thơ ông có một bản sắc và giọng điệu riêng, có chiều sâu xã hội cũng như triết lí. Thơ Huy Cận mang một nỗi buồn sâu lắng, miên man, ảo não và thảm đạm; nỗi buồn của "đêm mưa", của "người lữ thứ", nỗi buồn của "quán chạt đèo cao", của "trời rộng sông dài". Tràng Giang là một bài thơ nổi tiếng của Huy Cận, sáng tác vào năm 1939, đăng lần đầu trên báo Ngày nay, sau đó in vào tập thơ Lửa thiêng. Bài thơ mang phong vị Đường thi khá rõ. Đây là bài thơ được cảnh sông nước mênh mông của sông Hồng gợi tứ. Huy Cận đã có lần tâm sự: Tôi có thú vui thường chiều chủ nhật hàng tuần đi lên vùng Chèm để ngoạn cảnh sông Hồng và Hồ Tây. Phong cảnh sông nước đẹp, gợi cho tôi nhiều cảm xúc. Tuy nhiên bài thơ không chỉ so sông Hồng gợi cảm mà còn mang cảm xúc chung về những dòng sông khác của quê hương".

Lời đề từ "Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài" khái quát chủ đề của cả bài thơ là một nỗi niềm không biết bày tỏ cùng ai khi đứng giữa đất trời mênh mông, rộng lớn và bao la. Bài thơ toát lên vẻ đẹp vừa hiện đại, vừa cổ điển, cũng là một nét đặc trưng trong thơ của Huy Cận.

Mở đầu bài thơ là cảnh sông nước, khổ thơ đầu làm người đọc liên tưởng đến con sông thăm thẳm chứa đựng biết bao nỗi buồn miên man

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

Vẻ đẹp cổ điển của bài thơ được thể hiện khá rõ ngay từ bốn câu đầu tiên này. Với một loạt những từ ngữ gợi nỗi buồn thê lương "buồn", "sầu trăm ngả", "lạc mấy dòng" kết hợp với từ láy "điệp điệp", "song song" ở cuối hai câu thơ mang đậm sắc thái của thơ Đường thi dường như đã lột tả được hết thân thái và nỗi buồn vô biên, vô tận của nhà thơ. Trên dòng sông gợn sóng ấy là hình ảnh một "con thuyền xuôi mái", lững lờ trôi thể hiện trong tĩnh có động nhưng sao người đọc vẫn cảm thấy vẻ lặng tờ, mênh mông của thiên nhiên, một dòng "tràng giang" dài và rộng mênh mang, vô tận biết bao. Dòng sông thì bát ngát vô cùng, vô tận và lòng người cũng đầy áp những nỗi buồn khó tả. Hình ảnh "thuyền", "nước" vốn đi liền với nhau, thế mà Huy Cận lại để chúng xa cách nhau "thuyền về nước lại" sao nghe mà xót xa thế. Chính vì thế mà gọi lên trong lòng người một nỗi "sầu trăm ngả". Lượng từ "trăm" kết hợp cùng chỉ số "mấy" đã thổi vào câu thơ một nỗi buồn dài vô tận, không có điểm dừng.

Nỗi buồn ấy được trút hết vào câu thơ cuối "củi một cành khô lạc mấy dòng", Huy Cận đã khéo dùng phép đảo ngữ kết hợp với các từ ngữ chọn lọc, thể hiện sự cô đơn, lạc lõng trước cảnh sắc bao la, rộng lớn. "Một" gợi lên sự cô đơn, đơn chiếc, "cành khô" gợi lên sự khô héo, cạn kiệt nhựa sống, còn lại thân xác trơ trụi, khô héo, "lạc" mang nỗi sầu vô định, trôi nổi, không có định hướng trên "mấy dòng" là thể hiện sự chầy trôi một cách hư vô. Hình ảnh cành củi khô cứ trôi mãi trong vô định khiến người đọc cảm thấy trống vắng, cô đơn đến lạ, thể hiện một kiếp người long đong, đang trôi dạt giữa cuộc sống bộn bề chật chội.

Đến khổ thơ thứ hai dường như muốn đẩy nỗi hiu quạnh tăng lên gấp bội.

*Lơ thơ còn nhỏ gió đều hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

Hai câu thơ đầu phảng phất một khung cảnh đìu hiu, buồn man mác của một làng quê nghèo, thiếu sức sống. Hình ảnh "còn nhỏ" với tiếng gió thổi "đều hiu" như phủ lên mình một nỗi buồn mặc định đến da diết. Đến nỗi nhà thơ phải đặt một câu hỏi sao ngay cả tiếng ồn ào của phiên chợ chiều cũng không nghe thấy hay phải chăng phiên chợ đó cũng đìu hiu quạnh như ở nơi đây. Từ "đâu" cất lên thật thê lương, không điềm tựa để bầu víu. "Sông dài, trời rộng, bến cô liêu", khung cảnh hiện lên qua câu thơ của Huy Cận sao mà hoang sơ, tiêu điều thế, nơi bến nước không có một bóng người qua lại, không có một tiếng động của cỏ cây hay tiếng thờ của con người xung quanh chỉ có đất trời dài rộng, cô đơn lẻ loi một mình. Hai câu thơ cuối tác giả đã mượn "trời", "sông" để tả cái mênh mang vô định của đất trời, của lòng người. Nhà thơ không dùng trời "cao" mà lại dùng trời "sâu" để đo chiều sâu thực sự là nét tinh tế, độc đáo trong thơ Huy Cận. Câu cuối đoạn như nói hết, lột tả hết nỗi buồn sâu thẳm không biết ngỏ cùng ai, nhà thơ đã phải nói thẳng sự "cô liêu".

Sang khổ thơ thứ ba, tác giả muốn tìm sự ấm áp của đất trời mênh mông nhưng dường như cảnh sắc thiên nhiên lại không như lòng người mong đợi

*Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

Đọc khổ thơ thứ 3, người đọc cảm nhận một sự chuyển biến, vận động của thiên nhiên, không còn buồn rầu, u mê như những khổ thơ đầu và khổ thơ thứ 2. Từ "dạt" đã diễn tả tinh tế sự chuyển biến của vạn vật thiên nhiên Tuy nhiên nó lại được gắn liền với hình ảnh "bèo" mà "bèo" thì vốn vô định, trôi nổi khắp nơi, không có nơi bầu víu cứ lặng lẽ dạt "về đâu", chẳng biết dạt về đâu, cũng chẳng biết dạt được bao nhiêu lâu nữa. Mặt nước mênh mông không có một chuyến đò. Tác giả chỉ đợi chờ một chuyến đò để thấy được rằng sự sống đang tồn tại nhưng dường như điều này là không thể.

Đến khổ thơ cuối cùng, những cảm xúc, bút pháp của tác giả được đẩy lên đỉnh điểm, nét vẽ chấm phá dùng rất đặc hiệu

*"Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà".*

Nét chấm phá trong hình ảnh "mây cao" và "núi bạc" giống như trong thơ Đường càng khắc sâu sự cô đơn, buồn phiền. Hình ảnh "chim nghiêng cánh" và "bóng chiều sa" là sự hữu hình hóa cái vô hình của tác giả. Bóng chiều làm sao có thể nhìn thấy được nhưng qua ngòi bút và con mắt của tác giả người ta đã hình dung ra được trời chiều đang dần buông xuống. Mây ở đây chất

chồng lên nhau, ánh lên trong nắng chiều, làm cho cả bầu trời trở nên đẹp đẽ và rực rỡ. Giữa khung cảnh ấy, một cánh chim nhỏ nhoi xuất hiện. Cánh chim bay giữa những lớp mây cao đẹp đẽ, hùng vĩ như càng làm nổi bật lên cái nhỏ bé của nó. Nó đơn cô giữa đất trời bao la, như tâm hồn nhà thơ bơ vơ giữa cuộc đời chông chênh vậy.

Sang hai câu thơ cuối cùng chính là nỗi nhớ nhà nhớ, nhớ quê được tác giả bộc lộ một cách rõ ràng, tất cả những tình cảm ấy nhà thơ chẳng biết gửi vào đâu mà chỉ biết chất chứa đọng đầy trong trái tim mình. Hai từ "dờn dọn" gợi nỗi nhớ trào dâng của nhà thơ khi đứng trước cảnh hoang vắng của một chiều khi hoàng hôn buông xuống. Câu thơ muốn nói lên nỗi nhớ quê hương da diết của nhà thơ khi đứng trước sông nước rợn ngợp. "Không khói hoàng hôn" nghĩa là không một yếu tố ngoại cảnh nào tác động trực tiếp nhưng cảnh vật vẫn gợi trong lòng nhà thơ một nỗi nhớ quê cha đất tổ. Câu thơ cuối như bộc lộ tư tưởng, tình cảm mà nhà thơ muốn gửi gắm xuyên suốt bài thơ. Lúc nào trong lòng Huy Cận cũng mang một cái tình quê sâu đậm, một nỗi nhớ quê da diết khôn nguôi.

Tràng giang của Huy Cận là bài thơ mang vẻ đẹp vừa cô điển vừa hiện đại. Bài thơ "Tràng giang" của Huy Cận với sự kết hợp bút pháp hiện thực và cổ điển đã vẽ lên một bức tranh thiên nhiên u buồn, hiu quạnh. Qua đó khắc họa được tâm trạng cô liêu, đơn độc của con người và một tình yêu quê hương, mong ngóng về quê hương chân thành, sâu sắc của Huy Cận. Dưới hình thức một bài thơ mang đậm phong cách thơ Đường thi, kết cấu mạch lạc và cái tài sáng tạo ngôn ngữ, hình ảnh của tác giả, bài thơ hiện lên như một bản hòa ca mà ở đó, các nốt nhạc đều hợp sức tâu lên khúc ca yêu thiên nhiên, đất nước. Nhà thơ Xuân Diệu đã viết :Tràng giang là một bài thơ ca non sông đất nước, do đó dọn đường cho lòng yêu giang sơn Tổ quốc".

Bài thơ "tràng giang" là bài thơ đặc sắc trong cuộc đời thơ ca của Huy Cận. Bài thơ là sự kết hợp bút pháp hiện thực đan xen bút pháp cổ điển đã khắc họa một bức tranh thiên nhiên u buồn, hiu quạnh, qua đó bộc lộ tâm trạng cô liêu, đơn độc của con người và một tình yêu quê hương, mong ngóng về quê hương chân thành, sâu sắc của nhà thơ. Bài thơ "tràng giang" của Huy Cận đã để lại rất nhiều tình cảm, ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc.

Bài văn mẫu số 3: Phân tích bài Tràng giang

Hoài Thanh đã có một nhận định về các nhà thơ mới năm 1930: "Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận". Mỗi nhà thơ đều có một phong cách riêng làm nên nét độc đáo riêng của mình. Huy Cận là một nhà thơ xuất sắc với lời thơ đượm buồn một nỗi sầu nhân thế. Bài thơ "Tràng Giang" là một bài thơ đặc sắc và thể hiện rõ nỗi sầu nhân thế của Huy Cận lúc bấy giờ.

Huy Cận là một trong số những nhà thơ mới trong giai đoạn 1930- 1945. Nếu như Xuân Diệu say đắm trong trường tình thì Huy Cận lại chìm đắm trong nỗi sầu của nhân thế. Bài thơ "Tràng Giang" là một bài thơ tiêu biểu và đặc sắc nhất được trích trong tập "Lửa thiêng" (1940). Huy Cận sáng tác bài thơ khi đang đứng ở bờ Nam bến Chèm của sông Hồng, nhìn ngắm cảnh thiên nhiên sông nước suy ngẫm về cuộc đời mình mà "tức cảnh sinh tình". Bài thơ thể hiện sâu sắc vẻ đẹp thiên nhiên cũng như nỗi buồn nhân thế của tác giả.

Ngay từ đầu bài thơ Huy Cận đã đưa chúng ta đến với một nét đẹp cổ điển mà ít ai có, chỉ khi đến với Hay Cận chúng ta mới cảm nhận được. Đó là cách đặt tên nhan đề bài thơ, “Tràng Giang” là sông lớn, sông dài. Nhưng tại sao ở đây tác giả không dùng “Trường Giang” mà lại là “Tràng Giang”? “Tràng Giang” điệp vần “ang” tạo nên một âm thanh vang xa, đồng thời cũng thể hiện một nỗi buồn trải dài xuyên suốt cả bài thơ. “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” lời đề từ cũng đã mở rộng ra trước mắt chúng ta một không gian rộng lớn “trời rộng, sông dài”, một nỗi buồn da diết “bâng khuâng”.

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

Đến với khổ thơ thứ nhất, chúng ta bắt gặp được những hình ảnh mang tính cổ điển, chỉ có ở trong thơ cổ mới có: “trường giang”, “con thuyền”, “củi một cành khô”... Mở ra cho chúng ta một không gian rộng lớn, “điệp điệp” gợi ra không gian theo chiều rộng, “song song” gợi mở không gian theo chiều dài. Một không gian bao la rộng lớn, nhưng cũng tĩnh lặng lạ thường. Bao trùm lên cảnh vật là một nỗi buồn “điệp điệp” một nỗi buồn trải dài khiến hình ảnh con thuyền cũng tĩnh lặng giữa dòng nước “song song”. “Thuyền” và “nước” là hai hình ảnh quen thuộc trong thơ, ngoài đời thực chúng cũng là hai sự vật luôn đi liền với nhau không thể rời nhau, vậy mà ở đây tác giả lại cho ta thấy một sự chia ly giữa thuyền và nước: “thuyền về” còn “nước lại” gợi sự chia ly, sự xa cách hững hờ. Tâm trạng của thi nhân được bộc lộ rõ nét nhất qua câu thơ cuối cùng: “Củi một cành khô lạc mấy dòng”. “Củi” là một hình ảnh nhỏ bé, mong manh vậy mà lại lênh đênh vô định giữa một không gian rộng lớn của sông nước không biết sẽ trôi dạt về đâu. “Củi” đã bé nay lại càng nhỏ bé hơn khi kết hợp với số từ “một” tác giả như muốn nhấn mạnh thân phận bé nhỏ của chính bản thân mình trôi nổi mênh mông giữa dòng đời. Một nỗi buồn cô đơn về thời thế.

Nỗi buồn của thi nhân càng được tăng thêm, càng được đẩy đến đỉnh điểm khi đến với khổ thơ thứ hai:

*“Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót
Sông dài, trời rộng bến cô liêu”.*

Bức tranh thiên nhiên sông nước ấy có phần tăng thêm sức sống khi có thêm những “cồn nhỏ”. Những gò đất nổi lên giữa lòng sông ấy lại chỉ “lơ thơ” thưa thớt gợi lên một sự đơn sơ, hoang vắng, “đìu hiu” cô quạnh khi những làn gió thổi qua. Những cơn gió không ồn ào mà chỉ “đìu hiu” làm cho nỗi buồn của thi nhân như được nhân lên khi đứng trước một không gian tiêu điều.

Chợ có đâu đây có tiếng “chợ chiều”. “Chợ” là nơi mà khi đến đó ta biết được cuộc sống nơi đây có ấm no sầm uất hay không. “Đâu” gợi cho chúng ta cảm giác mơ hồ không biết có phải là có âm thanh đó hay không, tác giả cũng chỉ nghe thấy cảm nhận thấy chứ không được nhìn thấy. Âm thanh ấy cũng mờ mờ ảo ảo, vừa thực mà vừa hư. Tưởng chừng như âm thanh xuất hiện làm con người thêm vui nhưng chính nó lại khiến tác giả thêm cô đơn, lẻ loi trên chính mảnh đất quê hương mình.

*“Nắng xuống trời lên sâu chót vót
Sông dài trời rộng bến cô liêu”*

Nổi sào không chỉ nhuộm màu vào không gian mà còn trải dài theo thời gian bất tận. Không gian được mở ra theo nhiều chiều vừa cao, vừa sâu, vừa rộng...”Nắng xuống” và “trời lên” tạo nên một sự ngăn cách, chia li theo hai chiều đối nghịch “lên” và “xuống”. Đây là cảm nhận mà chỉ khi đến với con người hiện đại chúng ta mới thấy mới cảm nhận được. Không gian không chỉ được mở rộng theo chiều rộng, chiều cao mà còn theo chiều sâu. Nắng càng xuống thấp, trời càng trở nên cao hơn ngả bóng xuống lòng sông sâu “chót vót”. Tác giả đã sử dụng từ rất đặc biệt, không phải cao “chót vót” mà là “sâu chót vót” vừa tả được độ cao cũng vừa cảm nhận được độ cao ấy. Con người trở nên bé nhỏ cô đơn trước vũ trụ bao la vô tận... “Sông dài, trời rộng” cảnh vật càng rộng lớn, kì vĩ bao nhiêu thì con người càng bé nhỏ bấy nhiêu với hình ảnh “bến cô liêu”- bến đã nhỏ lại còn hiu quạnh. Con người cảm thấy bé nhỏ hơn bao giờ hết.

*"Bèo dạt về đâu hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gọi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng".*

Đến đây, ta bắt gặp những hình ảnh quen thuộc, gần gũi. Hình ảnh những cánh bèo gọi sự tan tác chia ly, những cánh bèo trôi “hàng nối hàng” vô định không biết trôi dạt về nơi đâu. Đây cũng chính là số phận của những kiếp người nhỏ bé, cô đơn với một cuộc sống bấp bênh. Giữa không gian “mênh mông” rộng lớn, thi nhân cố kiếm tìm một niềm vui nhưng “không một chuyến đò ngang” không có hình bóng cuộc sống của con người. “Không cầu gọi chút niềm thân mật” không có được sự chia sẻ của tình người, tình đời. Điệp từ “không” như càng làm tăng thêm sự buồn bã cô đơn, chỉ có “bờ xanh tiếp bãi vàng” chỉ có một mình thi nhân với thiên nhiên quạnh hiu. Một lần nữa không gian lại được đẩy đến sự tận cùng của sự hoang vắng, cô liêu.

Thi nhân mở rộng thêm tầm nhìn của mình, không còn không gian ở tầm thấp nữa mà được nhìn với tầm cao, tầm xa:

*"Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vờn con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà".*

Chỉ với bốn câu thơ cuối, tác giả đã vẽ ra trước mắt người đọc một bức tranh đậm chất cổ điển với hình ảnh phía xa có hòn núi, những đám mây bay là đà “lớp lớp”. Không phải là một đàn chim mà chỉ duy nhất có một cánh chim lạc đàn nhỏ bé đơn côi “nghiêng cánh nhỏ” dưới “bóng chiều sa”. Cánh chim ấy cô đơn, lạc lõng, nỗi buồn như càng đè nặng lên đôi cánh giữa bầu trời rộng thênh thang. Nhiên nhiên ở khổ thơ được vẽ ra là một thiên nhiên hùng vĩ, tráng lệ không giống với thiên nhiên ở các khổ trước hiu quạnh, vắng lặng.

*“Lòng quê dợn dợn vờn con nước
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”*

“Lòng quê” hay chính là tình yêu thiên nhiên đất nước mà nhà thơ muốn gửi gắm, nó cuộn trào lên “dợn dợn” như sóng nước mênh mông. Tình yêu quê hương bất tận, choáng ngợp như

chính con sông “Trường Giang” vậy. “Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhớ”, những người con xa quê hương chỉ cần một hình ảnh nhỏ thôi cũng làm họ gợi nhớ đến quê hương mình. Bóng chiều đã ngã đây là lúc con người ta nhiều tâm trạng nhiều cảm xúc nhất, nếu như Thôi Hiệu nhìn thấy khói hoàng hôn thì nhớ nhà “Quê hương khuất bóng hoàng hôn/ Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai” thì đến với Huy Cận ông không cần nhìn thấy “khói hoàng hôn” nhưng vẫn nhớ tới nhà da diết. Đây là sự sáng tạo độc đáo của Huy Cận trong thơ mới.

Bài thơ “Tràng Giang” đã vẽ trước mắt ta những một bức tranh hùng vĩ, với cách nhìn độc đáo vừa gần vừa xa, vừa cao vừa sâu, nhưng bao trùm không gian ấy là một nỗi buồn. Đó không chỉ là nỗi buồn cô đơn lẻ loi của chính tác giả mà còn là nỗi buồn của một thế hệ khi phải sống trong cảnh nước mất nhà tan. Bức tranh mà Huy Cận tạo nên với những hình ảnh gần gũi như sông nước bến thuyền vừa mang một vẻ đẹp vừa cổ kính vừa hiện đại. Điều đó đã tô đậm thêm sự độc đáo trong thơ của Huy Cận.

Bài văn mẫu số 4: Phân tích bài Tràng giang

Nhắc tới Huy Cận, người ta nhớ ngay đến một “hồn thơ ảo não” (Hoài Thanh). Trước cách mạng tháng Tám 1945, ông đã góp mặt vào thơ ca đương thời một nỗi sầu nhân thế, một cái tôi cô đơn, buồn bã trước dòng đời. Với sự pha trộn giữa chất cổ điển và hiện đại, ông đã gửi gắm nỗi niềm ấy trong nhiều bài thơ, trong đó phải kể đến Tràng giang. Bài thơ in trong tập “Lửa thiêng” (1940) rất tiêu biểu cho phong cách thơ Huy Cận.

Vào một buổi chiều thu năm 1939, có một chàng sinh viên trường Cao đẳng Canh nông, đạp xe dọc theo bờ đê sông Hồng, đến tới bãi Chèm – phía Nam dòng sông, trước cảnh sóng nước mênh mông, đã không kiềm nén nổi cảm xúc buồn bã, cô đơn và nhớ nhà da diết nên sáng tác bài thơ Tràng giang. Nhà thơ Huy Cận đã từng tâm sự về hoàn cảnh ra đời bài thơ như thế. Ban đầu, tác phẩm có tên là “Chiều trên sông” nhưng về sau đổi thành Tràng giang. Nhan đề này đã chuyển tải nhiều ý nghĩa hơn. “Tràng giang” là một từ Hán Việt đầy trang trọng, cổ kính, chỉ một con sông dài. Nhưng nhà thơ không dùng “trường giang” (có cùng nghĩa) để thay thế, bởi cách điệp vần “ang” giúp nhan đề vừa gợi âm hưởng ngân vang, vừa gợi nên cảm giác một dòng sông không những dài mà còn rộng. Thêm lời đề từ Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài càng làm rõ hơn sắc thái cảm xúc chủ đạo của bài thơ. Đó là nỗi buồn của con người trước một không gian mênh mông, rộng lớn có thể bao trùm cả vũ trụ.

Và quả thực trước một dòng tràng giang như thế, thi nhân đã không giấu nổi nỗi buồn mà cứ để nó lan tỏa khắp mọi không gian, bao trùm cả vũ trụ.

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

Khổ thơ đầu đã mở ra một khung cảnh tràng giang mênh mông, rộng lớn đối lập hoàn toàn với những thứ nhỏ bé như sóng, con thuyền, cành củi khô. Những sự vật ấy đồng thời cũng gợi nên nỗi buồn mênh mang theo sóng nước. Qua các từ gợn, buồn điệp điệp, nước song song, sầu trăm ngả, lạc mấy dòng nỗi buồn càng trải dài, lan tỏa khắp cả mặt sông dài rộng. Ở đây tuy có sự vật nhưng mọi thứ lại chẳng hề gắn kết, nhất là thuyền và nước, hai thứ vốn dĩ không tách rời

vậy mà thuyền về, nước lại khiến nổi sầu, nổi buồn như chia ra thành trăm ngã. Tuy nhiên điểm nhấn rõ nét nhất của khổ thơ chính là hình ảnh củi một cành khô. Sự vật vốn đã chẳng còn sức sống, lại nổi trôi vô định trên dòng sông đã vẽ một nét hiện đại để khắc họa nỗi buồn. Mà hơn nữa nó còn lạc mấy dòng thì không chỉ là nỗi buồn, nó hiện hữu cả nỗi cô đơn. Đó phải chăng là sự hiện thân cho kiếp người nhỏ bé, lênh đênh, bất định giữa dòng đời của chính tác giả?

Đến khổ thơ thứ hai, điểm nhìn của nhân vật trữ tình đã xa hơn, khung cảnh trên sông được hướng vào chiếc cò nhỏ, vào bầu trời và khắp cả dòng sông.

*Lơ thơ cò nhỏ gió đều hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống trời lên sâu chót vót
Sông dài trời rộng bến cô liêu*

Nhưng dường như không gian cũng không có mấy thay đổi, thậm chí hai từ láy lơ thơ, đều hiu lại càng khắc họa sự vắng lặng, yên ắng, quạnh hiu. Đâu đó (hay là đâu có) có âm thanh của sự sống? Dẫu có có đi chẳng nữa thì tiếng làng xa vãn chợ chiều cũng chẳng làm cho nơi đây nhộn nhịp hơn, thậm chí càng tô đậm thêm sự tĩnh lặng. Bởi vậy xung quanh chỉ còn là nắng trên trời, sông trước mặt, thứ xuống thứ lên, thứ dài, thứ rộng mà dường như vốn đã xa nay lại càng xa hơn. Cách sáng tạo từ sâu chót vót đã giúp tác giả miêu tả được khoảng cách giữa trời với sông vừa có độ cao vừa có độ sâu, khiến không gian như mở ra ba chiều, khuếch tán rộng hết mức ở toàn vũ trụ. Chỉ còn lại trơ trọi bến cô liêu thì chúng ta mới biết nỗi buồn đã rộng khắp mọi không gian và nỗi cô đơn càng ngày càng lớn. Lúc này thi nhân không còn đối diện với dòng sông như ở khổ trên nữa mà hoàn toàn bị choáng ngợp, quá nhỏ bé trước không gian vũ trụ như thế.

Rồi ánh mắt thi nhân lại tiếp tục kiếm tìm. Hình như nhân vật trữ tình “lục lọi” đâu đây một chút sự sống của con người.

*Bèo dạt về đâu hàng nối hàng
Mênh mông không một chuyến đò ngang
Không cầu gợi chút niềm thân mật
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng*

Lần này hiện lên là hình ảnh hàng bèo quen thuộc. Trong thơ xưa nó chính là hiện thân cho kiếp người trôi nổi, lênh đênh giữa dòng đời. Nhưng chỉ là cánh bèo, chứ không phải hàng nối hàng bèo như ở đây. Vâng, không biết bao nhiêu hàng bèo như thế, nối tiếp nhau trôi dạt về đâu? Có nỗi buồn, sự bơ vơ, lạc lõng không phải của một cành củi khô nữa mà là của cả một thế hệ con người chẳng biết sẽ đi đâu về đâu? Hình ảnh thơ đơn giản nhưng gói ghém được tâm sự của cả bao nhiêu thân phận con người lúc bấy giờ. Bởi vậy nhìn xung quanh đâu cũng thấy mênh mông, đâu cũng không thấy có dấu hiệu của sự sống nào hết. Điệp từ phủ định càng làm cho con người chẳng có chút bóng dáng nào hiện hữu nơi đây. Không một chuyến đò, không một cây cầu thì nỗi niềm thân mật dù một chút thôi cũng thực khó. Thế là chỉ còn lại thiên nhiên tiếp xúc với thiên nhiên. Hai từ lặng lẽ có chút ngậm ngùi vì nhìn hết cảnh trí dòng sông từ trên cao xuống thấp, xa đến gần mà rồi cũng chỉ còn lại những bờ xanh, bãi vàng nối tiếp nhau. Không gian vì thế lại tiếp tục thêm phần mênh mông bát ngát. Nỗi cô đơn, sự buồn bã của con người chưa có dấu hiệu vơi cạn, thu hẹp lại theo bất cứ một chiều nào.

Cả ba khổ thơ là một bức tranh thiên nhiên thắm đẫm những phong vị cổ điển xen lẫn chút hiện đại đầy độc đáo để khắc họa một không gian vô cùng, vô tận. Tất cả cũng chỉ để chứa đựng một nỗi buồn, nỗi cô đơn không giới hạn của lòng người. Bao nhiêu hi vọng dồn vào khổ cuối, để cái tôi vui bớt đi phần nào những chất chứa ưu tư. Vậy mà:

*Lớp lớp mây cao, đùn núi bạc
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa
Lòng quê dợn dợn vời con nước
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

Khung cảnh thiên nhiên lại có sự thay đổi, nhưng lần này không phải là dòng sông mênh mông, vắng lặng như những khổ trên mà thay vào đó là sự tráng lệ, hùng vĩ nổi bật trên nền trời chiều. Vẫn sử dụng những thi liệu cổ quen thuộc là mây, chim, nhà thơ vẽ lên nền trời ấy những đường nét, màu sắc thật sinh động. Đó là lớp lớp những áng mây ánh bạc đang đùn trên bầu trời như những ngọn núi. Đặc biệt là cánh chim chao nghiêng được coi là một khoảnh khắc mà thấu tóm được sự chuyển động của hai sự vật. Chẳng biết cánh chim nhỏ ấy nghiêng nhẹ đôi cánh một cái là bóng chiều sa xuống hay bóng chiều đổ mà đè nặng lên cánh chim khiến nó ngã nghiêng? Nhưng khoảnh khắc đồng hiện này đã tạo nên một sự dịch chuyển rất mau lẹ cả về không gian lẫn thời gian. Và thêm một lần nữa lòng người không thể nào xua tan được sự bủa vây của ngoại cảnh. Không gian có thay đổi, có tráng lệ đến đâu trong lòng thi nhân vẫn cảm thấy trống trải. Nhưng lần này nỗi cô đơn đã hóa nỗi nhớ nhà. Biết bao nhiêu cảnh trí trên trời, dưới sông đều dồn về cảm xúc dợn dợn. Từ láy nguyên sáng tạo này của nhà thơ đã khắc hoặc rất chân thực một nỗi niềm băng khuâng, da diết của “lòng quê” khi nó hô ứng với cụm từ “vời con nước”. Bao nhiêu nỗi buồn rồi cũng trào dâng lên thành nỗi nhớ quê hương. Nhưng lạ thay, ở ngay trên mảnh đất quê hương mà lại thấy nhớ quê hương đến như vậy. Thế mà quê hương lại chẳng còn, đó là nỗi niềm chung của cả một thế hệ các nhà thơ mới trước tình cảnh đất nước lúc bấy giờ. Cảm giác xa quê hương, “thiếu quê hương” trở thành sự rung cảm sẵn có mà chẳng cần đến khói sóng hoàng hôn như thi sĩ Thôi Hiệu đời Đường mới gọi nên nỗi nhớ quê nhà của thi nhân. Không cần vịn vào đâu, tự khắc nỗi nhớ ấy đong đầy, da diết, tự thân nó đã bộc lộ một tình yêu thắm thiết, trĩu nặng với quê hương.

Có hai thứ ấn tượng còn đọng lại sau khi đọc xong bài thơ là không gian vô cùng, vô tận của ngoại cảnh và nỗi buồn, nỗi cô đơn không giới hạn của lòng người. Cả hai như cùng kích ứng để càng rộng, càng lớn thì càng buồn, càng cô đơn khiến bài thơ như chất chứa, tích tụ nỗi sầu của cả ngàn năm lại vậy. Nhưng vượt lên trên hết, bút pháp đặc trưng và nhuần nhuyễn giữa chất cổ điển và hiện đại đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên thật đẹp dầu có buồn. Song người đọc vẫn nhìn thấy một tình yêu quê hương đất nước thắm kín hiện lên trong Tràng giang.

Bài văn mẫu số 5: Phân tích bài Tràng giang

Nhà thơ Huy Cận tên thật là Cù Huy Cận, với giọng thơ rất riêng đã khẳng định tên tuổi của mình trong phong trào thơ mới 1930-1945. Ông vốn quê quán Hương Sơn, Hà Tĩnh, sinh năm 1919 và mất năm 2005. Trước Cách mạng tháng Tám, thơ ông mang nỗi sầu về kiếp người và ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên, tạo vật với các tác phẩm tiêu biểu như: "Lửa thiêng", "Vũ trụ ca", "Kinh cầu tự". Nhưng sau Cách mạng tháng Tám, hồn thơ của ông đã trở nên lạc quan, được khơi nguồn từ cuộc sống chiến đấu và xây dựng đất nước của nhân dân lao động: "Trời mỗi ngày lại sáng", "Đất nở hoa", "Bài thơ cuộc đời"...

Vẻ đẹp thiên nhiên, nổi ưu sầu nhân thế, một nét thơ tiêu biểu của Huy Cận, được thể hiện khá rõ nét qua bài thơ "Tràng Giang". Đây là một bài thơ hay, tiêu biểu và nổi tiếng nhất của Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám. Bài thơ được trích từ tập "Lửa thiêng", được sáng tác khi Huy Cận đứng ở bờ Nam bến Chèm sông Hồng, nhìn cảnh mênh mông sóng nước, lòng vơi vơi buồn, ám ảnh cho kiếp người nhỏ bé, nổi trôi giữa dòng đời vô định. Mang nỗi u buồn hoài như thế nên bài thơ vừa có nét đẹp cổ điển lại vừa đượm nét hiện đại, đem đến sự thích thú, yêu mến cho người đọc.

*Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài
Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp....
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

Ngay từ thi đề, nhà thơ đã khéo gọi lên vẻ đẹp cổ điển lại hiện đại cho bài thơ. "Tràng giang" là một cách nói chệch đầy sáng tạo của Huy Cận. Hai âm "ang" đi liền nhau đã gọi lên trong người đọc cảm giác về con sông, không chỉ dài vô cùng mà còn rộng mênh mông, bát ngát. Hai chữ "tràng giang" mang sắc thái cổ điển trang nhã, gọi liên tưởng về dòng Trường giang trong thơ Đường thi, một dòng sông của muôn thuở vĩnh hằng, dòng sông của tâm tưởng.

Tứ thơ "Tràng giang" mang nét cổ điển như thơ xưa: Nhà thơ thường ẩn đằng sau cái mênh mông sóng nước, không như các nhà thơ mới thường thể hiện cái tôi của mình. Nhưng nếu các thi nhân xưa tìm đến thiên nhiên để mong hòa nhập, giao cảm, Huy Cận lại tìm về thiên nhiên để thể hiện nỗi ưu tư, buồn bã về kiếp người cô đơn, nhỏ bé trước vũ trụ bao la. Đó cũng là vẻ đẹp đầy sức quyến rũ của tác phẩm, ẩn chứa một tinh thần hiện đại.

Câu đề từ giản dị, ngắn gọn với chỉ bảy chữ nhưng đã thấu tóm được cảm xúc chủ đạo của cả bài: "Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài". Trước cảnh "trời rộng", "sông dài" sao mà bát ngát, mênh mông của thiên nhiên, lòng con người dấy lên tình cảm "bâng khuâng" và nhớ. Từ láy "bâng khuâng" được sử dụng rất đặc địa, nó nói lên được tâm trạng của chủ thể trữ tình, buồn bã, u sầu, cô đơn, lạc lõng.

Và con "sông dài", nghe miên man tí tắp ấy cứ vỗ sóng đều đặn khắp các khỏ thợ, cứ cuộn sóng lên mãi trong lòng nhà thơ làm rung động trái tim người đọc. Và ngay từ khổ thơ đầu, người đọc đã bắt gặp những con sóng lòng đầy ưu tư, sầu não như thế:

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Cúi một cảnh khô lác mấy dòng.*

Vẻ đẹp cổ điển của bài thơ được thể hiện khá rõ ngay từ bốn câu đầu tiên này. Hai từ láy nguyên "điệp điệp", "song song" ở cuối hai câu thơ mang đậm sắc thái cổ kính của Đường thi. Và không chỉ mang nét đẹp ấy, nó còn đầy sức gợi hình, gợi liên tưởng về những con sóng cứ loang ra, lan xa, gối lên nhau, dòng nước thì cứ cuốn đi xa tận nơi nào, miên man miên man.

Trên dòng sông gợn sóng "điệp điệp", nước "song song" ấy là một "con thuyền xuôi mái", lững lờ trôi đi. Trong cảnh có sự chuyển động là thế, nhưng sao chỉ thấy vẻ lặng tờ, mênh mông của thiên nhiên, một dòng "tràng giang" dài và rộng bao la không biết đến nhường nào. Dòng sông thì bát ngát vô cùng, vô tận, nỗi buồn của con người cũng đầy ăm ắp trong lòng:

*Thuyền về nước lại sàu trăm ngã
Củi một cảnh khô lạc mấy dòng.*

Thuyền và nước vốn đi liền nhau, thuyền trôi đi nhờ nước xô, nước vỗ vào thuyền. Thế mà Huy Cận lại thấy thuyền và nước đang chia lìa, xa cách "thuyền về nước lại", nghe sao đầy xót xa. Chính lẽ vì thế mà gọi nên trong lòng người nổi "sàu trăm ngã". Từ chỉ số nhiều "trăm" hô ứng cùng từ chỉ số "mấy" đã thổi vào câu thơ nỗi buồn vô hạn.

Tâm hồn của chủ thể trữ tình được bộc lộ đầy đủ nhất qua câu thơ đặc sắc: "Củi một cảnh khô lạc mấy dòng". Huy Cận đã khéo dùng phép đảo ngữ kết hợp với các từ ngữ chọn lọc, thể hiện nỗi cô đơn, lạc lõng trước vũ trụ bao la. "Một" gợi lên sự ít ỏi, nhỏ bé, "cảnh khô" gợi sự khô héo, cạn kiệt nhựa sống, "lạc" mang nỗi sầu vô định, trôi nổi, bập bênh trên "mấy dòng" nước thiên nhiên rộng lớn mênh mông. Cảnh củi khô đó trôi dạt đi nơi nào, hình ảnh giản dị, không tô vẽ mà sao đầy rợn ngợp, khiến lòng người đọc cảm thấy trống vắng, đơn côi.

Nét đẹp cổ điển "tả cảnh ngụ tình" thật khéo léo, tài hoa của tác giả, đã gọi mở về một nỗi buồn, u sầu như con sóng sẽ còn vỗ mãi ở các khổ thơ còn lại để người đọc có thể cảm thông, thấu hiểu về một nét tâm trạng thường gặp ở các nhà thơ mới. Nhưng bên cạnh đó ta cũng nhìn ra một vẻ đẹp hiện đại rất thi vị của khổ thơ.

Đó là ở cách nói "Củi một cảnh khô" thật đặc biệt, không chỉ thu tóm cảm xúc của toàn khổ, mà còn hé mở tâm trạng của nhân vật trữ tình, một nỗi niềm đơn côi, lạc lõng. Nỗi lòng ấy được gọi mở nhiều hơn qua hình ảnh quạnh vắng của không gian lạnh lẽo:

*Lơ thơ còn nhỏ gió đìu hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.*

Hai từ láy "lơ thơ" và "đìu hiu" được tác giả khéo sắp xếp trên cùng một dòng thơ đã vẽ nên một quang cảnh vắng lặng. "Lơ thơ" gợi sự ít ỏi, bé nhỏ "đìu hiu" lại gợi sự quạnh quẽ. Giữa khung cảnh "còn nhỏ", gió thì "đìu hiu", một khung cảnh lạnh lẽo, tiêu điều ấy, con người trở nên đơn côi, rợn ngợp đến độ thốt lên "Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều".

Chỉ một câu thơ mà mang nhiều sắc thái, vừa gọi "đâu đó", âm thanh xa xôi, không rõ rệt, có thể là câu hỏi "đâu" như một nỗi niềm khao khát, mong mỏi của nhà thơ về một chút sự hoạt động, âm thanh sự sống của con người. Đó cũng có thể là "đâu có", một sự phủ định hoàn toàn, chung quanh đây chẳng hề có chút gì sống động để xua bớt cái tịch liêu của thiên nhiên. Đôi mắt nhân vật trữ tình nhìn theo nắng, theo dòng trôi của sông:

*"Nắng xuống, trời lên sâu chót vót,
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu."*

"Nắng xuống, trời lên" gợi sự chuyển động, mở rộng về không gian, và gọi cả sự chia lìa: bởi nắng và trời mà lại tách bạch khỏi nhau. "sâu chót vót" là cảnh diễn đạt mới mẻ, đầy sáng tạo của Huy Cận, mang một nét đẹp hiện đại. Đôi mắt nhà thơ không chỉ dừng ở bên ngoài của trời, của nắng, mà như xuyên thấu và cả vũ trụ, cả không gian bao la, vô tận. Cõi thiên nhiên ấy quả là mênh mông với "sông dài, trời rộng", còn những gì thuộc về con người thì lại bé nhỏ, cô đơn biết bao: "bến cô liêu".

Vẻ đẹp cổ điển của khổ thơ hiện ra qua các thi liệu quen thuộc trong Đường thi như: sông, trời, nắng, cuộc sống con người thì buồn tẻ, chán chường với "vân chợ chiều", mọi thứ đã tan rã, chia lìa. Nhà thơ lại nhìn về dòng sông, nhìn cảnh xung quanh mong mỏi có chút gì quen thuộc mang lại hơi ấm cho tâm hồn đang chìm vào giá lạnh, về cô đơn. Nhưng thiên nhiên đã đáp trả sự khao khát ấy bằng những hình ảnh càng quạnh quẽ, đìu hiu:

*Bèo dạt về đâu, hàng nổi hàng,
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cần gọi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

Hình ảnh cánh bèo trôi bồng bềnh trên sông là hình ảnh thường dùng trong thơ cổ điển, nó gợi lên một cái gì bấp bênh, nổi trôi của kiếp người vô định giữa dòng đời. Nhưng trong thơ Huy Cận không chỉ có một hay hai cánh bèo, mà là "hàng nổi hàng". Bèo trôi hàng hàng càng khiến lòng người rợn ngợp trước thiên nhiên, để từ đó cõi lòng càng đau đớn, cô đơn.

Bên cạnh hàng nổi hàng cánh bèo là "bờ xanh tiếp bãi vàng" như mở ra một không gian bao la vô cùng, vô tận, thiên nhiên nối tiếp thiên nhiên, đường không có con người, không có chút sinh hoạt của con người, không có sự giao hoà, nối kết:

*Mênh mông không một chuyến đò ngang
Không cầu gọi chút niềm thân mật.*

Tác giả đưa ra câu trúc phủ định. "... không... không" để phủ định hoàn toàn những kết nối của con người. Trước mắt nhà thơ giờ đây không có chút gì gọi niềm thân mật để kéo mình ra khỏi nỗi cô đơn đang bao trùm, vây kín, chỉ có một thiên nhiên mênh mông, mênh mông. Cầu hay chuyến đò ngang, phương tiện giao kết của con người, dường như đã bị cõi thiên nhiên nhấn chìm, trôi đi nơi nào. Huy Cận lại khéo vẽ nét đẹp cổ điển và hiện đại cho bầu trời trên cao:

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa*

Bút pháp chấm phá với "mây cao đùn núi bạc" thành "lớp lớp" đã khiến người đọc tưởng tượng ra những núi mây trắng được ánh nắng chiếu vào như dát bạc. Hình ảnh mang nét đẹp cổ điển thật trữ tình và lại càng thi vị hơn khi nó được khơi nguồn cảm hứng từ một tứ thơ Đường cổ của Đỗ Phủ: Mặt đất mây đùn cửa ải xa.

Huy Cận đã vận dụng rất tài tình động từ "đùn", khiến mây như chuyển động, có nội lực từ bên trong, từng lớp từng lớp mây cứ đùn ra mãi. Đây cũng là một nét thơ đầy chất hiện đại, bởi nó đã vận dụng sáng tạo từ thơ cổ điển quen thuộc. Và nét hiện đại càng bộc lộ rõ hơn qua dấu hai chấm thần tình trong câu thơ sau.

Dấu hai chấm này gợi mối quan hệ giữa chim và bóng chiều: Chim nghiêng cánh nhỏ kéo bóng chiều, cùng sa xuống mặt tràng giang, hay chính bóng chiều sa, đè nặng lên cánh chim nhỏ làm nghiêng lệch cả đi. Câu thơ tả không gian nhưng gợi được thời gian bởi nó sử dụng "cánh chim" và "bóng chiều", vốn là những hình tượng thẩm mỹ để tả hoàng hôn trong thơ ca cổ điển. Nhưng giữa khung cảnh cổ điển đó, người đọc lại bắt gặp nét tâm trạng hiện đại.

Bài văn mẫu số 6: Phân tích bài Tràng giang

Khác với hồn thơ sôi nổi, nhiệt huyết gắn với công cuộc đổi mới sau cách mạng tháng 8. Thơ Huy Cận những năm trước cách mạng lại mang nét u sầu, buồn bã trước thời cuộc. Chẳng thế mà "Tràng giang" ra đời lại khắc họa nét cô đơn của cá thể trước không gian bao la của thiên nhiên. Cùng với nét u buồn khắc khoải trước không gian mênh mông, bài thơ còn là nỗi nhớ quê hương, thương đất nước đang chìm trong tang thương của thi sĩ.

Bài thơ được sáng tác vào năm 1939 in lần đầu tiên trên báo "Ngày nay" sau đó in trong tập "Lửa thiêng" - tập thơ đầu tay của Huy Cận. Cũng chính tập thơ này đã đưa ông trở thành gương mặt tiêu biểu của phong trào "Thơ mới" thời kỳ đầu.

Ngay khi đọc tên bài thơ "Tràng giang" người ta có thể hình dung được tư tưởng và tâm tư mà tác giả gửi trong đó. Tiêu đề gợi ra một con sông dài, mênh mông, bát ngát. Tuy nhiên, ẩn sau hình ảnh sông dài còn là những mảnh đời bấp bênh, trôi nổi, u sầu. Câu đề từ "Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài" tiếp tục khẳng định nỗi niềm u uất, không biết tỏ cùng ai của nhân vật trữ tình trước không gian bao la của dòng sông.

Khổ đầu tiên đến với người đọc bằng hình ảnh con sông buồn, chắt chứa những nỗi niềm khó tả

"Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng."

Vừa mới đọc khổ đầu tiên, người đọc thấy được không khí u sầu, buồn bã thông qua các từ "buồn", "sầu", "lạc cành khô". Câu thứ nhất miêu tả sóng, câu thứ hai tả những dòng trôi, những luồng nước trên mặt sông. Nếu như câu thứ nhất gợi được những vòng sóng đang loang ra, lan xa, xô đuổi nhau đến tận chân trời, thì câu thứ hai lại vẽ ra những luồng nước cứ song song, rong ruổi mãi về cuối trời. Trong câu thứ nhất "sóng gợn" là những vòng sóng nhỏ, lăn tăn. Nhưng chỉ cần một gợn sóng ấy thì Tràng giang đã "buồn điệp điệp". Từ láy hoàn toàn "điệp điệp" như diễn tả nỗi buồn chồng chất lên nhau, hết lớp này đến lớp khác. Hình ảnh con thuyền "xuôi mái nước song song" lại gợi về cảm giác đơn độc trên dòng nước mênh mông vô tận.

Hai câu thơ kết hợp làm cho không gian vừa mở ra theo bề rộng, vừa vươn theo chiều dài. Tác giả tiếp tục khắc họa nỗi chia ly qua câu thơ thứ ba. "Thuyền" và "nước" vốn dĩ là hai hình ảnh gắn bó, khăng khít với nhau nhưng qua con mắt của nhân vật trữ tình thì lúc này hai hình ảnh ấy không còn song hành với nhau nữa. "Sầu trăm ngả", nỗi buồn, sự u hoài, buồn bã càng ngày càng dâng lên. Với câu thơ thứ tư tác giả sử dụng biện pháp đảo ngữ "củi một cành khô" để nói về sự cô đơn, trơ trọi của "củi". Số từ "một" chỉ một mình, cô đơn cùng với tính từ "khô" - hết nhựa sống, càng làm cho hình ảnh khô héo hơn. Tác giả thật tài tình khi đã sử dụng nghệ thuật đối "một" - "mấy" như nhấn mạnh hơn sự cô độc của củi trên dòng sông. "Lạc mấy dòng" không chỉ diễn tả nỗi niềm cô đơn của củi mà còn nói đến sự bấp bênh, trôi nổi khi "lạc" hết dòng sông này đến dòng sông khác. Nét độc đáo của câu thơ không chỉ là phép đối mà còn ở cách ngắt nhịp 1/3/3. Với cách ngắt nhịp ấy "củi" xuất hiện "độc lập" và điều đó càng làm rõ hơn tình cảnh lẻ loi của sự vật này. Có thể nói, hình ảnh "củi một cành khô" đã phần nào nói lên tâm trạng thi sĩ -

một con người tài hoa nhưng vẫn đang loay hoay giữa cuộc sống bộn bề. Như vậy, chỉ với khổ thơ đầu tiên bức tranh thiên nhiên buồn, sâu thẳm đã hiện rõ. Nét bút kết hợp giữa cổ điển và hiện đại cũng phần nào giúp người đọc rõ hơn về tâm trạng của thi sĩ.

Khổ thơ thứ hai tiếp tục là khung cảnh buồn nhưng mang nét đìu hiu, thiếu sức sống.

*"Lơ thơ còn nhỏ gió đìu hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu."*

Huy Cận thật khéo léo khi sử dụng hai từ láy trong cùng một câu thơ để miêu tả cảnh hoang vu, vắng vẻ hai bên bờ sông: "Lơ thơ" - thưa thớt, ít ỏi, "đìu hiu" - vắng lặng, ít người. Trên "còn nhỏ" làn gió phảng phất không khí buồn, âm đạm của chốn ít người, thiếu sức sống. Nó u sầu đến nỗi không nghe thấy tiếng ồn ào của phiên chợ chiều. "Đâu" diễn tả cảm giác mơ hồ, không xác định được điểm tựa để bám víu. Như vậy, chỉ qua vài nét chấm phá của nhà thơ đã hiện lên bức tranh quê thê lương, thiếu sức sống. Đến với hai câu thơ tiếp, dường như tác giả mở rộng tầm nhìn ra qua biện pháp đối "nắng xuống" - "trời lên" đã làm không gian mở rộng về chiều cao, có một khoảng không gian đang giãn nở ra ở giữa. Hai động từ ngược hướng "lên" và "xuống" mang lại cảm giác chuyển động. Nắng càng xuống thì bầu trời càng được kéo cao hơn. Và điểm nhấn chính là "sâu chót vót" - không gian mở rộng cả về chiều sâu. "Chót vót" vốn là từ láy độc quyền khi nhắc đến chiều cao. Còn đã nói tới sâu thì người ta hay dùng "sâu hun hút" hoặc "sâu thăm thẳm",... Chính cách dùng từ ngữ đặc sắc của Huy Cận đã gợi ra khoảng không vũ trụ sâu thẳm thẳm, đó cũng là lúc nỗi buồn, cô đơn của nhà thơ dâng lên cao, trở nên vô cùng vô tận. Một góc nhìn đầy thú vị, mới mẻ. Câu thơ cuối cùng thi sĩ dùng không gian rộng để nói về nỗi cô đơn, vắng vẻ. "Bến cô liêu" - buồn, thưa thớt lơ lửng giữa không gian rộng lớn của sông, trời. Toàn cảnh khổ hai là một màu cô đơn, vắng vẻ, đối lập với hình ảnh cảnh vật thưa thớt là không gian mênh mông, nhấn mạnh hơn nỗi u sầu vạn cổ.

Bài văn mẫu số 7: Phân tích bài Tràng giang

Tràng Giang là một bài thơ hay của Huy Cận và là một trong những bài thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Bài thơ thể hiện nỗi cô đơn, bơ vơ của con người ngay giữa quê hương mình. Tràng Giang in trong tập Lửa thiêng, xuất bản năm 1940. Bài thơ nói về nỗi buồn thế hệ, nỗi buồn không tìm được lối ra, nên như kéo dài triền miên.

4 câu thơ trong đoạn đầu hiện lên đầu tiên tác phẩm là bức tranh sông nước vắng vẻ và tĩnh lặng.

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả,
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

Câu thơ đầu mở ra là bức tranh sông nước "Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp" có hai hình ảnh được tái hiện đó là thiên nhiên và tâm trạng của con người. Từ "tràng giang" không chỉ gợi ra độ dài mà còn là độ rộng. Dòng sông ấy có từ "gợn" chỉ là gợn hơi, lăn tăn theo chiều gió nhẹ.

Gọi không khí tĩnh lặng ôm trùm khắp không gian. Từ tâm trạng của thiên nhiên tác giả nói đến tâm trạng của con người, có thể nói có bao nhiêu sóng gợn ấy là bấy nhiêu nỗi buồn “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”.

Điệp từ “điệp điệp” diễn tả nỗi niềm trong lòng tuy nhẹ thôi nhưng dai dẳng triền miên. “Con thuyền xuôi mái nước song song” Hình ảnh con thuyền xuôi mái nổi bật giữa dòng sông, trở nên nhỏ bé, đơn độc. “Xuôi mái” ở trạng thái bị động mặc cho dòng nước trôi. Từ láy “song song” “Thuyền về nước lại sầm trầm ngã” tác giả đã sử dụng cặp từ ngược hướng phải chăng đây là sự chia lìa, để khởi nguồn cho nỗi sầm trầm ngã.

Ở câu cuối của khổ một, hình ảnh đơn sơ bình dị, hiện thực đó là “cánh cửi khô”. Nghệ thuật đảo ngữ như nhấn mạnh vào sự tầm thường nhỏ bé và vô giá trị, không chỉ và vật rơi khô gãy. Lại một cảnh còn khô quá tầm thường nhỏ bé và đơn độc cạn kiệt sức sống. Trôi dạt vô hướng giữa không gian lớn rộng, ẩn chứa sau đó là những kiếp người và cái tôi lạc loài trong phong trào thơ mới của Huy Cận.

*Lơ thơ còn nhỏ gió đều hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

Bức pháp chung trong miêu tả thiên nhiên trong thơ Huy Cận đó là gọi hơn tả.” Lơ thơ còn nhỏ gió đều hiu”. Từ láy “lơ thơ” gọi lên sự ít ỏi nhấn mạnh cái sự vắng vẻ nhỏ nhoi, sự cô quạnh giữa không gian mênh mông chỉ có một còn nhỏ đều hiu vắng vẻ. Tác giả cố gắng lắng nghe tìm tiếng con người. “Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”, đây là câu hỏi tu từ, phủ nhận sự hiện diện của cuộc sống con người.

Hai câu thơ cuối của khổ thơ thứ hai, tác giả đã sử dụng biện pháp đối ”nắng xuống đối với trời lên”, “sông dài đối với trời rộng”, “sâu chót vót với bến cô liêu”. Động từ ngược hướng lên xuống gọi nên cảm giác chuyển động rõ rệt. Gọi nên chiều cao và sâu không gian được mở vô biên. Nỗi buồn thấm vào tạo vật con người hiện lên với một trạng thái cô đơn.

*Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng,
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

Khổ thơ tiếp theo gọi nên sự vô định “cánh bèo” không phải đơn thuần là cánh bèo không tìm thấy hướng đi của thiên nhiên. Mà đó là cả một thế hệ thanh niên Việt Nam không tìm thấy hướng đi.

“Mênh mông không một chuyến đò ngang” trong toàn cảnh vũ trụ này tuyệt nhiên không có bóng dáng của con người. Bởi chuyến đò, cây cầu thì phải có con người nhưng tác giả đã nói là “không”. Dùng cách nói phủ định để khẳng định ở đây chỉ có một cái có đó là “lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng” chỉ là thiên nhiên.

Đó là sự cô đơn, cảm giác bất an của một cái tôi thơ mới. Chính nỗi niềm này đã được tác giả nói rất nhiều như ở lời đề từ “bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” tạo nên một điểm riêng cho nhà thơ Huy Cận con người ở đây cô đơn bất an, rợn người.

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc...
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa
Lòng quê dờn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

Khổ thơ cuối dường như mờ ảo dần, hình ảnh “đùn núi bạc” là không gian hùng vĩ, tráng lệ, từ láy lớp lớp. Đối lập với không gian hùng vĩ tráng lệ đó là “chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa”. Nếu như dòng thơ trên ta thấy được dấu ấn cổ điển thì ở đây là yếu tố hiện đại, cánh chim bé nhỏ đang cố vươn cao lên trong buổi chiều tà ấy. Cái tôi thơ mới ấy mang một nỗi buồn tự thân, sự thức tỉnh. Cánh chim không chỉ chở nặng hoàng hôn mà còn trĩu nặng nỗi buồn của các nhà thơ mới.

Đến với hai câu cuối của bài thơ “lòng quê dờn dợn vời con nước, không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”. Đây là nỗi lòng hoài hương, cái hiện đại ở đây là sự phủ định sự tác động của ngoại cảnh đến tâm trạng. Nỗi nhớ nhà da diết hơn, cháy bỏng hơn, đi trên quê hương mà thấy thiếu và nhớ quê hương. Từ láy “dờn dợn” như những con sóng lòng đang dồn nén trong Huy Cận.

Nhìn chung toàn bộ bài thơ là nỗi buồn, đây là tâm trạng của các nhà thơ lãng mạng lúc bấy giờ, nỗi buồn của cả thế hệ thanh niên lúc bấy giờ chưa giác ngộ được lý tưởng cách mạng, bài thơ này tiêu biểu cho hồn thơ Huy Cận “sầu ảo não”. Bài thơ “Tràng Giang” được đánh giá là bài thơ dọn đường cho thơ về quê hương đất nước. Cách sử dụng ngôn từ thơ cũng như biện pháp tu từ là tạo nên một tác phẩm hay và đặc sắc.

Bài văn mẫu số 8: Phân tích bài Tràng giang

Huy Cận là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ mới (1930-1945) với những tác phẩm có sự kết hợp giữa yếu tố hiện đại và cổ điển. Phong cách sáng tác của ông có sự khác biệt lớn gắn liền với hai thời điểm: trước cách mạng tháng Tám và sau cách mạng tháng Tám.

Có thể nói đó là sự chuyển biến từ nỗi u sầu, buồn bã vì thời thế trước cách mạng cho đến không khí hào hứng vui tươi sau cách mạng gắn với công cuộc đổi mới. Bài thơ “Tràng giang” được viết trong thời kì trước cách mạng với một nỗi niềm chất chứa u buồn, gợi lên sự bế tắc trong cuộc sống của kiếp người trôi nổi lênh đênh. Bài thơ để lại trong lòng người đọc nhiều nỗi niềm khó tả.

Ngay từ nhan đề bài thơ, tác giả đã có thể khái quát được tư tưởng và cảm xúc chủ đạo của bài thơ. Hai chữ “Tràng giang” có thể nói là một con sông dài, mênh mông và bát ngát. Từ Hán việt này khiến người ta liên tưởng đến những bài thơ Đường của Trung Quốc. Nhưng chính tràng giang này cũng gợi lên được tâm tư của người trong cuộc khi muốn nhắc tới những thân phận nổi trôi, bé nhỏ sống lênh đênh trên con sông dài tâm tưởng và sông của nỗi u uất như thế.

Lời đề từ “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” một lần nữa khái quát nên chủ đề của bài thơ chính là nỗi niềm không biết bày tỏ cùng ai khi đứng giữa trời đất mênh mông và bao la. Cả bài thơ toát lên được vẻ đẹp vừa hiện đại vừa cổ điển, cũng là đặc trưng trong thơ của Huy Cận. Bước vào bài thơ, khổ thơ đầu tiên đã khiến người đọc liên tưởng đến một con sông chắt chứa bao nỗi buồn sâu thẳm:

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng*

Với một loạt từ ngữ gợi buồn thê lương “buồn”, “xuôi mái”, “sầu trăm ngả”, “lạc mấy dòng” kết hợp với từ láy “điệp điệp”, “song song” dường như đã lột tả hết thần thái và nỗi buồn vô biên, vô tận của tác giả trong thời thế nhiều bất công như thế này. Ngay khổ thơ đầu, nét chấm phá của cổ điển đã hòa lẫn với nét hiện đại.

Tác giả đã mượn hình ảnh con thuyền xuôi mái và hơn hết là hình ảnh “củi khô” trôi một mình, đơn lẻ trên dòng nước mênh mông, vô tận, vô định. Sức gợi tả của câu thơ thực sự đầy ám ảnh, một con sông dài, một con sông mang nét đẹp u buồn, trầm tĩnh càng khiến người đọc thấy buồn và thê lương.

Vốn dĩ thuyền và nước là hai thứ không thể tách rời nhau nhưng trong câu thơ tác giả viết “thuyền về nước lại sầu trăm ngả”, liệu rằng có uẩn khúc gì chăng, hay là sự chia lìa không báo trước, nghe xót xa và nghe quạnh lòng hiu hắt quá.

Một nỗi buồn đến tận cùng, mênh mang cùng sông nước dập dềnh. Điểm nhấn của khổ thơ chính là ở câu thơ cuối với hình ảnh “củi” gợi lên sự đơn chiếc, bé nhỏ, mỏng manh, trôi dạt khắp nơi. Có thể nói câu thơ đã nói lên được tâm trạng của các nhà thơ mới nói chung ở thời kỳ đó, một kiếp người đa tài nhưng vẫn long đong, loay hoay giữa cuộc sống bộn bề chật chội như thế này. Đến khổ thơ thứ hai dường như nỗi hiu quạnh lại được tăng lên gấp bội:

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống trời lên sâu chót vót
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu*

Hai câu thơ đầu phảng phất một khung cảnh buồn thiu, đìu hiu và vắng lặng của một làng quê thiếu sức sống. Đó có phải là quê hương của tác giả hay không. Hình ảnh “cồn nhỏ” nghe rất rõ tiếng gió đìu hiu đến tái lòng ở ven dòng sông dường như khoác lên mình một nỗi buồn mặc định. Ngay cả một tiếng ồn ào của phiên chợ chiều ở nơi xa cũng không thể nghe thấy, hay có chăng phiên chợ ấy cũng buồn đến hiu quạnh như thế này.

Một câu hỏi tu từ gợi lên bao nỗi niềm chắt chứa, hỏi người hay là tác giả đang tự hỏi bản thân mình. Từ “đâu” cất lên thật thê lương và không điểm tựa để bầu víu. Khung cảnh hoang sơ, tiêu điều nơi bến nước không có một bóng người, không có một tiếng động thật chua xót.

Hai câu thơ cuối tác giả mượn hình ảnh trời và sông để đặc tả sự mênh mông vô định. Không phải trời “cao” mà là trời “sâu”, lấy chiều cao để đo chiều sâu thực sự là nét tài tình, tinh tế và

độc đáo của Huy Cận. Hình ảnh sông nước mênh mông và một chữ “cô liêu” ở cuối đoạn đường như đã lột tả hết nỗi buồn sâu thẳm không biết ngỏ cùng ai ấy.

Ở khổ thơ thứ ba, tác giả muốn tìm thấy sự ấm áp nơi thiên nhiên hiu quạnh này nhưng dường như thiên nhiên không như lòng người mong ngóng:

*Bèo dạt về đâu hàng nối hàng
Mênh mông không một chuyến đò ngang
Không cầu gợi chút niềm thương nhớ
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng*

Sang khổ thơ thứ 3 dường như người đọc nhận ra một sự chuyển biến, sự vận động của thiên nhiên, không còn u buồn và tĩnh lặng đến thê lương như ở khổ thơ thứ hai nữa. Từ “dạt” đã diễn tả thật tinh tế sự chuyển biến của vạn vật này. Tuy nhiên từ ngữ này gắn liền với hình ảnh “bèo” lại khiến cho tác giả thất vọng vì “bèo” vốn vô định, trôi nổi khắp nơi, không có nơi bầu vịu cứ lặng lẽ dạt “về đâu”, chẳng biết dạt về đâu, cũng chẳng biết dạt được bao nhiêu lâu nữa.

Bài văn mẫu số 9: Phân tích bài Tràng giang

Thời đại Thơ mới của Việt Nam ghi dấu sự thành danh của nhiều bậc thi nhân đại tài. Đó là một Xuân Diệu khao khát tình đến cháy bỏng, mãnh liệt. Một Chế Lan Viên trần trờ đi tìm cái tôi cá nhân. Một Hàn Mặc Tử chìm trong thực và mộng. Và có cả một nhà thơ – một con người mang tâm hồn của một kẻ ảo não, chênh vênh giữa cõi đời rộng lớn.

Thơ ông hàm súc nhưng lại ẩn chứa biết bao triết lý cùng những dòng suy tưởng miên man. Không ai khác ngoài Huy Cận – chàng thi sĩ đã để lại cho đời biết bao tác phẩm xuất sắc tuyệt thế mà đặc sắc nhất phải kể đến thi phẩm “Tràng giang”.

Hoàn cảnh sáng tác chính xác của Tràng giang là vào tháng 9 năm 1939, khi ấy Huy Cận mới chỉ vừa bước vào độ tuổi 20, đang theo học tại Trường cao đẳng Canh Nông. Bài thơ là một phút ngẫu hứng của thi sĩ trong buổi chiều đạp xe ra bến Chèm ngắm nhìn dòng sông Hồng đang cuộn chảy. Bao nỗi nhớ, bao cảnh sầu, sự cô đơn của một cái “tôi” trước thiên nhiên cứ thế tuôn trào để trở thành vần thơ còn lưu truyền hậu thế đến tận ngày nay.

Ban đầu, bài thơ có tên là “Chiều bên sông” sau đó tác giả đổi thành “Tràng giang”. So với nhan đề cũ, Tràng giang mang âm hưởng Hán – Việt trang trọng, cổ kính hơn. Sự lan tỏa của vần “ang” không chỉ vẽ ra cái mênh mông bát ngát rộng ngợp của không gian thiên nhiên sông nước mà còn ngầm gợi ra nỗi buồn trải dài không dứt.

Sau nhan đề là lời đề từ “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài”. Chính lời đề từ này đã thấu tóm cả cảnh và tình của bài thơ. Ta thấy đâu thiên nhiên sao bao la chẳng thấy điểm cuối, còn nỗi buồn, nỗi bâng khuâng lại cứ rộng dài mãi không nguôi .

Trong bài thơ Tràng giang, có thể thấy 2 bức tranh tả cảnh và tả tâm trạng của người thi sĩ rất rõ nét. Về cảnh vật, tất cả đều nhuốm một màu hiu quạnh, vắng vẻ, cô liêu. Nhà thơ mở đầu bằng 4 câu:

*“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng”*

Từ láy “điệp điệp” kết hợp cùng trạng thái buồn đã mở tạo ra nốt trầm trong cung bậc cảm xúc khi vừa đọc những vần thơ đầu tiên. Ta không chỉ thấy sóng tràng giang đang cuộn cuộn mà còn thấy những đợt sóng lòng của người thi nhân dường như cũng đang mênh mang lan tỏa hòa cùng trời đất.

Con thuyền trên trên sóng nước cũng chẳng mấy may chèo lái để mặc “xuôi mái nước song song”. Rồi đến cuối cùng “Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả” nhuộm màu chia ly buồn bã. Những vần thơ cứ thế mà đậm chất cổ điển, ngỡ như một bậc thi nhân xứ Trung Hoa sáng tác, cho đến khi tác giả nhắc đến hình ảnh củi. Không phải bèo cũng chẳng phải hoa trôi trên sông, mà đây là cành củi lạc dòng vô định.

Thân phận củi khô héo, lênh đênh trên sông nước càng thêm phần lay động. Hai câu đầu của khổ thơ thứ hai của bài thơ tiếp nỗi buồn len lỏi vào từng không gian:

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

Nỗi buồn giăng mắc, mơ hồ hòa quyện với cái vẻ hiu hắt, quanh quẽ đôi bờ sông. Nhà thơ muốn nghe lắm, muốn được thấy lắm tiếng người nói cười nhưng “Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”. “Đâu” ở đây là diễn tả “đâu đó” hay “đâu có” - tác giả cũng không nói rõ với người đọc.

Bài văn mẫu số 10: Phân tích bài Tràng giang

Đến với phong trào Thơ Mới, ta được hòa mình trong vườn thơ đầy hương sắc tuyệt diệu của các thi nhân. Ta không khỏi rạo rức, hứng khởi trước những vần thơ táo bạo, tràn đầy năng lượng mê hoặc của Xuân Diệu, không khỏi buồn man mác trước hồn thơ sáng trong của Thế Lữ, thôn thức trước hình ảnh thơ đầy kì dị của Chế Lan Viên, hay say sưa trước hồn thơ quê bình dị mà thân thương của Nguyễn Bính. Và đặc biệt, đến với thơ Huy Cận, ta bắt gặp nét buồn riêng biệt, độc đáo đó là một nỗi sầu rộng ngợp, u hoài, trước vũ trụ mênh mang, dường như chân trời của những nỗi buồn của nhà thơ cứ thế dài vô tận. Bài thơ “Tràng giang” là tác phẩm tiêu biểu cho nét phong cách đó của Huy Cận.

Bài thơ được in trong tập thơ Lửa thiêng viết vào năm 1940, tác phẩm bộc lộ tâm trạng u buồn của con người trước cảnh vật rộng lớn bao la, khắc họa sự cô đơn buồn thương đến tuyệt đối.

*“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.”*

Tùng cơn sóng mệt mỏi gợn lăn tăn giữa dòng sông sâu rộng. Con thuyền nhỏ cô độc giữa dòng sông càng làm nổi bật sự nhỏ bé, cô đơn, thuyền mặc trôi vô định xuôi theo dòng giang bao la. Sóng gợn "điệp điệp", nước "song song", cảnh vật tuy có sự vận động nhưng sao vẫn thấy tĩnh lặng lạ lùng. Dòng sông thì bao la vô tận, thiên nhiên vẫn tuyệt đẹp đầy thôi mà sao vẫn mang nỗi sầu buồn khó tả:

*"Thuyền về, nước lại, sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng"*

Thuyền và nước gắn bó chặt chẽ và song hành cùng nhau "thuyền về", "nước lại" - dường như hai vật thể lại đang trong thế đối nghịch nhau gợi sự chia lìa, xa cách, cũng như nỗi sầu của người thi nhân vậy. Càng cố tìm đến thiên nhiên để thoát ly nỗi sầu muộn trước nhân thế, trước thực tại đảo điên, thi nhân lại càng thấy mình cô độc, buồn thương, càng nhỏ bé trước vũ trụ vô tận. Những dòng nước cứ thế lặng lẽ trôi, cành củi khô một mình lạc giữa mênh mang sóng nước. Dường như chẳng thể điều khiển được dòng nước mình đi, trôi dạt vô định giữa sông nước. Cảnh nhẹ nhàng, yên bình, đẹp nhưng đượm nỗi buồn lớn. Phải chăng cảnh cũng chứa tâm trạng hay chính lòng người buồn khiến cảnh cũng mang nỗi sầu tư, bởi vốn "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ".

Nỗi lòng ấy lại càng sâu hơn, thâm lương và cô đơn hơn, ngấm chìm vào từng cảnh vật:

*"Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều"*

Bãi cồn nhỏ nhoi, ít ỏi lại càng tô đậm thêm vẻ đìu hiu quanh vắng của không gian. Nét cảnh vật có phần hoang sơ, tiêu điều, đơn độc. Tiếng chợ chiều xa vắng lại càng rõ ràng. Có âm thanh, có hoạt động của con người đầy thôi, mà sao vẫn không vui đi nỗi lặng lẽ của thời gian, của thiên nhiên và của lòng người. Chút âm thanh tiếng nói nơi chợ xa ấy chẳng đủ để xua tan đi cái buồn, cái tịch liêu rợn ngợp nơi đây. Càng hướng về thiên nhiên chốn quê nhà, càng mong mỏi chút gì đó sưởi ấm cõi hồn lạnh giá nhưng lại càng thấy cô đơn trên chính quê hương mình.

Thiên nhiên đáp trả lại người thi nhân ấy một khung cảnh đầy buồn vắng, quanh hiu:

*"Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng."*

Cánh bèo trôi dạt giữa dòng sông, không mục đích, không chốn đến nơi về, cứ thế xuôi theo dòng nước. Đưa mắt nhìn về bến đò, lại chỉ thấy hiu hắt, quanh vắng, chuyến đò ngang cũng chẳng thấy đâu, chẳng ai khiến ta thôi u sầu, chẳng ai cùng người thì sĩ san bớt nỗi sầu tư lúc này. Mong mỏi chút gì đầy sinh hoạt của con người cũng không thấy, bao quanh chỉ là những bờ xanh, bãi vàng tiếp nối nhau, nỗi buồn cứ thế cũng chất chồng lên nhau, thật xót xa, đau đớn biết nhường nào.

*"Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa."*

Nhà thơ có cái nhìn rất tinh tế khi miêu tả thiên nhiên đầy tráng lệ, hùng vĩ, vận động rất đẹp và thơ. Từng lớp mây vốn nhẹ nhàng trôi giờ tiếp nhau tạo thành những hình núi đẹp đẽ, lớn lao, từng áng mây mang nội lực, mang sức sống bất diệt, trường tồn. Cánh chim nhỏ nghiêng mình cũng là lúc bóng chiều dần buông xuống. Khi ấy, nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, tình cảm sâu nặng với quê hương lại càng trở dậy, dạt dào đến khó tả:

*“Lòng quê dờn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.”*

Trong trái tim nhân vật trữ tình lúc này đang đầy biết bao tình cảm tốt đẹp chốn quê nhà. Dù buồn đấy, sầu đấy, nhưng nghĩ về quê hương lại càng xúc động, không nói nên lời. “Lòng quê dờn dợn” phải chăng là những đợt sóng lòng đang dâng trào mãnh liệt nơi tâm hồn thi nhân đã dồn nén bấy lâu, càng thương nhớ lại càng da diết khôn nguôi. Đứng trên quê hương mà lại nhớ quê hương khôn cùng.

Bằng các hình ảnh giàu sức gợi, mang đậm phong vị Đường thi, với những hình ảnh cổ điển tiêu biểu, sử dụng thành công các biện pháp nghệ thuật đặc sắc, Huy Cận đã thể hiện được cái tôi độc đáo của mình trong thơ. Bài thơ bồi đắp, nuôi dưỡng cho tâm hồn mỗi người về tình yêu thiên nhiên tha thiết, lòng sâu nặng với quê hương dân tộc.

CLICK NGAY vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải các bài văn mẫu Phân tích bài Tràng giang Văn lớp 11 file word, pdf hoàn toàn miễn phí.